

Số: 2116/2022/QĐST-HNGĐ

B, ngày 28 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2950/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1995.

HKTT: ấp C, xã D, huyện N, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ tạm trú: tổ M, khu phố L, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông **Võ Văn K**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện N, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 27/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn K. Bà T, ông K có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết và đã nộp tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý và giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn K kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 74 ngày 10/9/2018. Quá trình chung sống, bà T và ông K thừa nhận thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Bà T, ông K có 01 con chung cháu Võ Tú A, sinh ngày 15/3/2018. Ly hôn, bà T và ông K thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự xác định tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà T, ông K thống nhất không đoàn tụ, yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/11/2022, ghi nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự.

Xét thấy, các đương sự thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con. Do đó, đủ căn cứ để Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Võ Tú A, sinh ngày 15/3/2018 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời, ông Võ Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn K xác định tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn K xác định không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn K mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004637 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
(Đã ký)
Ngô Hoàng Long